

Điểm:

Mã đề thi
132

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh: Lớp:

Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn và tô chì vào phương án đúng.**Câu 1:** Cho hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ (C). Các phát biểu sau, phát biểu nào **Sai** ?

- A. Đồ thị hàm số có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = -1$;
 B. Hàm số luôn đồng biến trên từng khoảng của tập xác định của nó;
 C. Đồ thị hàm số có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = 2$.
 D. Đồ thị hàm số (C) có giao điểm với Oy tại điểm có hoành độ là $x = \frac{1}{2}$;

Câu 2: Điểm cực đại của đồ thị hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 9x$ là:

- A. (1;4) B. (3;0) C. (4;1) D. (0;3)

Câu 3: Cho hàm số $y = \frac{2x-4}{x-3}$ có đồ thị là (H). Phương trình tiếp tuyến tại giao điểm của (H) với trục hoành là:

- A. $y = 2x - 4$ B. $y = -3x + 1$ C. $y = 2x$ D. $y = -2x + 4$

Câu 4: Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{x-1}$. Đồ thị hàm số có tâm đối xứng là điểm

- A. (1;-1) B. (2;1) C. (1;2) D. (-1;1)

Câu 5: Cho hàm số: $y = \frac{2x+1}{x+1}$ (C). Đồ thị (C) của hàm số có:

- A. Tiệm cận ngang $x = -1$, tiệm cận đứng $y = 2$ B. Tiệm cận ngang $x = 1$, tiệm cận đứng $y = -2$
 C. Tiệm cận đứng $x = -1$, tiệm cận ngang $y = 2$ D. Tiệm cận đứng $x = 1$, tiệm cận ngang $y = -2$

Câu 6: Số giao điểm của đường cong $y = x^3 - 2x^2 + 2x + 1$ và đường thẳng $y = 1 - x$ bằng:

- A. 0 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 7: Tìm m để phương trình $x^4 - 2x^2 - 1 = m$ có đúng 3 nghiệm

- A. $m = 1$ B. $m = -1$ C. $m = 0$ D. $m = 3$

Câu 8: Hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$ nghịch biến trên khoảng nào ?

- A. $(-\infty; -1)$ B. $\mathbb{R}$ C. $(1; +\infty)$ D. $(-1; 0)$

Câu 9: Tìm m để hàm số $y = -x^3 + mx^2 - m$ nghịch biến trên tập xác định

- A. $m < 0$ B. $m = 0$ C. $m = 1$ D. $0 < m < 1$

Câu 10: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = \frac{3x-1}{x-3}$ trên đoạn $[0; 2]$

- A. $-\frac{1}{3}$ B. 5 C. $\frac{1}{3}$ D. -5

Câu 11: Hàm số $y = x^4 + 4x^2 - 4$ nếu tìm GTLN và GTNN thì:

- A. Chỉ có GTNN không có GTLN B. Chỉ có GTLN không có GTNN
C. Có cả GTNN và GTLN D. Không có GTLN và GTNN

Câu 12: Hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 4$ đồng biến trên khoảng nào ?

- A. $(0; 2)$ B. $(-\infty; 0)$ C. $(1; 2)$ D. $(2; +\infty)$

Câu 13: Trong các hàm số sau, hàm số nào đồng biến trên $\mathbb{R}$?

- A. $y = \frac{x+3}{2x+1}$ B. $y = x^3 + 5x + 6$ C. $y = \frac{2x+3}{x+5}$ D. $y = 3\sin 2x$

Câu 14: Điểm cực đại của hàm số : $y = \frac{1}{2}x^4 - 2x^2 - 3$ là $x =$

- A. $-\sqrt{2}$ B. 0 C. $\sqrt{2}$ D. $\pm\sqrt{2}$

Câu 15: Hàm số $y = x^3 - 3x^2 + mx$ đạt cực tiểu tại $x=2$ khi :

- A. $m > 0$ B. $m = 0$ C. $m \neq 0$ D. $m < 0$

Câu 16: Trong các tiếp tuyến tại các điểm trên đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2$, tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất bằng :

- A. 3 B. - 4 C. 0 D. - 3

Câu 17: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$. Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên $[-3; 2]$

- A. $M = 3; m = 2$ B. $M = 66; m = -3$ C. $M = 66; m = 2$ D. $M = 11; m = 2$

Câu 18: Điểm cực tiểu của hàm số : $y = -x^3 + 3x + 4$ là $x =$

- A. 1 B. -3 C. 3 D. -1

Câu 19: Cho hàm số $y = \frac{2x-3}{1+x}$, hàm số có TCD và TCN lần lượt là:

- A. $x = -1; y = 2$ B. $x = 2; y = -1$ C. $x = -3; y = -1$ D. $x = 2; y = 1$

Câu 20: Cho hàm số $y = \sqrt{-x^2 + 2x}$. Giá trị lớn nhất của hàm số bằng

- A. $\sqrt{3}$ B. 2 C. 1 D. 0

Phần tự luận:

Cho hàm số $y = x^3 + (m-1)x^2 - (m+2)x - 1$

a).(2đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số khi $m = 1$

b).(1đ) Viết phương trình đường thẳng d có hệ số góc bằng -3 , và tiếp xúc với đồ thị (C)

----- HẾT -----

Điểm:

Mã đề thi
209*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

Họ, tên thí sinh: Lớp:

Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn và tô chỉ vào phương án đúng.**Câu 1:** Cho hàm số: $y = \frac{2x+1}{x+1}$ (C). Đồ thị (C) của hàm số có:

- A. Tiệm cận ngang $x = -1$, tiệm cận đứng $y = 2$ B. Tiệm cận đứng $x = -1$, tiệm cận ngang $y = 2$
 C. Tiệm cận ngang $x = 1$, tiệm cận đứng $y = -2$ D. Tiệm cận đứng $x = 1$, tiệm cận ngang $y = -2$

Câu 2: Tìm m để hàm số $y = -x^3 + mx^2 - m$ nghịch biến trên tập xác định

- A. $m=0$ B. $0 < m < 1$ C. $m=1$ D. $m < 0$

Câu 3: Cho hàm số $y = \sqrt{-x^2 + 2x}$. Giá trị lớn nhất của hàm số bằng

- A. $\sqrt{3}$ B. 2 C. 1 D. 0

Câu 4: Hàm số $y = x^4 + 4x^2 - 4$ nếu tìm GTLN và GTNN thì:

- A. Chỉ có GTLN không có GTNN B. Chỉ có GTNN không có GTLN
 C. Không có GTLN và GTNN D. Có cả GTNN và GTLN

Câu 5: Hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 4$ đồng biến trên khoảng nào ?

- A. $(0; 2)$ B. $(2; +\infty)$ C. $(-\infty; 0)$ D. $(1; 2)$

Câu 6: Cho hàm số $y = \frac{2x-3}{1+x}$, hàm số có TĐĐ và TCN lần lượt là:

- A. $x = 2; y = -1$ B. $x = -3; y = -1$ C. $x = -1; y = 2$ D. $x = 2; y = 1$

Câu 7: Hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$ nghịch biến trên khoảng nào ?

- A. $(-1; 0)$ B. $\mathbb{R}$ C. $(1; +\infty)$ D. $(-\infty; -1)$

Câu 8: Hàm số $y = x^3 - 3x^2 + mx$ đạt cực tiểu tại $x=2$ khi :

- A. $m = 0$ B. $m > 0$ C. $m \neq 0$ D. $m < 0$

Câu 9: Điểm cực đại của đồ thị hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 9x$ là:

- A. $(4; 1)$ B. $(0; 3)$ C. $(1; 4)$ D. $(3; 0)$

Câu 10: Cho hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ (C). Các phát biểu sau, phát biểu nào Sai ?

- A. Đồ thị hàm số có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = -1$;
 B. Đồ thị hàm số (C) có giao điểm với Oy tại điểm có hoành độ là $x = \frac{1}{2}$;
 C. Hàm số luôn đồng biến trên từng khoảng của tập xác định của nó;
 D. Đồ thị hàm số có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = 2$.

Câu 11: Điểm cực đại của hàm số: $y = \frac{1}{2}x^4 - 2x^2 - 3$ là $x =$

A. $\sqrt{2}$

B. $\pm\sqrt{2}$

C. $-\sqrt{2}$

D. 0

Câu 12: Trong các hàm số sau, hàm số nào đồng biến trên $\mathbb{R}$?

A. $y = x^3 + 5x + 6$

B. $y = \frac{x+3}{2x+1}$

C. $y = \frac{2x+3}{x+5}$

D. $y = 3\sin 2x$

Câu 13: Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{x-1}$. Đồ thị hàm số có tâm đối xứng là điểm

A. (2;1)

B. (-1;1)

C. (1;2)

D. (1;-1)

Câu 14: Điểm cực tiểu của hàm số : $y = -x^3 + 3x + 4$ là $x =$

A. 1

B. -3

C. 3

D. -1

Câu 15: Trong các tiếp tuyến tại các điểm trên đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2$, tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất bằng :

A. 3

B. -4

C. 0

D. -3

Câu 16: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$. Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên $[-3;2]$

A. $M = 3; m = 2$

B. $M = 66; m = -3$

C. $M = 66; m = 2$

D. $M = 11; m = 2$

Câu 17: Số giao điểm của đường cong $y = x^3 - 2x^2 + 2x + 1$ và đường thẳng $y = 1 - x$ bằng:

A. 3

B. 0

C. 1

D. 2

Câu 18: Cho hàm số $y = \frac{2x-4}{x-3}$ có đồ thị là (H). Phương trình tiếp tuyến tại giao điểm của (H) với trục hoành là:

A. $y = 2x - 4$

B. $y = -2x + 4$

C. $y = 2x$

D. $y = -3x + 1$

Câu 19: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = \frac{3x-1}{x-3}$ trên đoạn $[0;2]$

A. $-\frac{1}{3}$

B. 5

C. $\frac{1}{3}$

D. -5

Câu 20: Tìm m để phương trình $x^4 - 2x^2 - 1 = m$ có đúng 3 nghiệm

A. $m = 1$

B. $m = -1$

C. $m = 0$

D. $m = 3$

Phần tự luận:

Cho hàm số $y = x^3 + (m-1)x^2 - (m+2)x - 1$

a).(2đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số khi $m = 1$

b).(1đ) Viết phương trình đường thẳng d có hệ số góc bằng -3, và tiếp xúc với đồ thị (C)

----- HẾT -----

Điểm:

Mã đề thi
357

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Lớp:

Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn và tô chì vào phương án đúng.**Câu 1:** Tìm m để phương trình $x^4 - 2x^2 - 1 = m$ có đúng 3 nghiệm

- A. $m = 1$ B. $m = 3$ C. $m = -1$ D. $m = 0$

Câu 2: Điểm cực đại của đồ thị hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 9x$ là:

- A. (0;3) B. (4;1) C. (3;0) D. (1;4)

Câu 3: Cho hàm số $y = \frac{2x-3}{1+x}$, hàm số có TĐĐ và TCN lần lượt là:

- A. $x = 2; y = 1$ B. $x = -1; y = 2$ C. $x = 2; y = -1$ D. $x = -3; y = -1$

Câu 4: Cho hàm số $y = \sqrt{-x^2 + 2x}$. Giá trị lớn nhất của hàm số bằng

- A. 0 B. 2 C. $\sqrt{3}$ D. 1

Câu 5: Điểm cực đại của hàm số: $y = \frac{1}{2}x^4 - 2x^2 - 3$ là $x =$

- A. $\pm\sqrt{2}$ B. 0 C. $-\sqrt{2}$ D. $\sqrt{2}$

Câu 6: Hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$ nghịch biến trên khoảng nào ?

- A. $(-1;0)$ B. $\mathbb{R}$ C. $(1;+\infty)$ D. $(-\infty;-1)$

Câu 7: Hàm số $y = x^3 - 3x^2 + mx$ đạt cực tiểu tại $x=2$ khi :

- A. $m = 0$ B. $m > 0$ C. $m \neq 0$ D. $m < 0$

Câu 8: Hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 4$ đồng biến trên khoảng nào ?

- A. $(-\infty;0)$ B. $(2;+\infty)$ C. $(0;2)$ D. $(1;2)$

Câu 9: Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{x-1}$. Đồ thị hàm số có tâm đối xứng là điểm

- A. (2;1) B. (-1;1) C. (1;2) D. (1;-1)

Câu 10: Trong các hàm số sau, hàm số nào đồng biến trên $\mathbb{R}$?

- A. $y = x^3 + 5x + 6$ B. $y = \frac{x+3}{2x+1}$ C. $y = \frac{2x+3}{x+5}$ D. $y = 3\sin 2x$

Câu 11: Trong các tiếp tuyến tại các điểm trên đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2$, tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất bằng :

- A. 3 B. -4 C. 0 D. -3

Câu 12: Tìm m để hàm số $y = -x^3 + mx^2 - m$ nghịch biến trên tập xác định

A. $m < 0$ B. $m = 0$ C. $m = 1$ D. $0 < m < 1$

Câu 13: Điểm cực tiểu của hàm số : $y = -x^3 + 3x + 4$ là $x =$

A. 1

B. -3

C. 3

D. -1

Câu 14: Hàm số $y = x^4 + 4x^2 - 4$ nếu tìm GTLN và GTNN thì:

A. Chỉ có GTLN không có GTNN

B. Có cả GTNN và GTLN

C. Chỉ có GTNN không có GTLN

D. Không có GTLN và GTNN

Câu 15: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$. Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên $[-3; 2]$

A. $M = 3; m = 2$ B. $M = 11; m = 2$ C. $M = 66; m = 2$ D. $M = 66; m = -3$

Câu 16: Số giao điểm của đường cong $y = x^3 - 2x^2 + 2x + 1$ và đường thẳng $y = 1 - x$ bằng:

A. 3

B. 0

C. 1

D. 2

Câu 17: Cho hàm số $y = \frac{2x-4}{x-3}$ có đồ thị là (H). Phương trình tiếp tuyến tại giao điểm của (H) với trục hoành là:

A. $y = 2x - 4$ B. $y = -2x + 4$ C. $y = 2x$ D. $y = -3x + 1$

Câu 18: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = \frac{3x-1}{x-3}$ trên đoạn $[0; 2]$

A. $-\frac{1}{3}$

B. 5

C. $\frac{1}{3}$

D. -5

Câu 19: Cho hàm số: $y = \frac{2x+1}{x+1}$ (C). Đồ thị (C) của hàm số có:

A. Tiệm cận đứng $x = -1$, tiệm cận ngang $y = 2$ B. Tiệm cận ngang $x = 1$, tiệm cận đứng $y = -2$ C. Tiệm cận ngang $x = -1$, tiệm cận đứng $y = 2$ D. Tiệm cận đứng $x = 1$, tiệm cận ngang $y = -2$

Câu 20: Cho hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ (C). Các phát biểu sau, phát biểu nào Sai ?

A. Đồ thị hàm số (C) có giao điểm với Oy tại điểm có hoành độ là $x = \frac{1}{2}$;

B. Hàm số luôn đồng biến trên từng khoảng của tập xác định của nó;

C. Đồ thị hàm số có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = 2$.D. Đồ thị hàm số có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = -1$;

Phần tự luận:

Cho hàm số $y = x^3 + (m-1)x^2 - (m+2)x - 1$

a). (2đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số khi $m = 1$

b). (1đ) Viết phương trình đường thẳng d có hệ số góc bằng -3 , và tiếp xúc với đồ thị (C)

----- HẾT -----

Điểm:

Mã đề thi
485

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh: Lớp:

Phần trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn và tô chì vào phương án đúng.**Câu 1:** Cho hàm số $y = \frac{2x-4}{x-3}$ có đồ thị là (H). Phương trình tiếp tuyến tại giao điểm của (H) với trục hoành là:

- A. $y = 2x - 4$ B. $y = -3x + 1$ C. $y = 2x$ D. $y = -2x + 4$

Câu 2: Hàm số $y = x^4 + 4x^2 - 4$ nếu tìm GTLN và GTNN thì:

- A. Chỉ có GTLN không có GTNN B. Có cả GTNN và GTLN
C. Chỉ có GTNN không có GTLN D. Không có GTLN và GTNN

Câu 3: Trong các tiếp tuyến tại các điểm trên đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2$, tiếp tuyến có hệ số góc nhỏ nhất bằng :

- A. 3 B. -4 C. 0 D. -3

Câu 4: Số giao điểm của đường cong $y = x^3 - 2x^2 + 2x + 1$ và đường thẳng $y = 1 - x$ bằng:

- A. 3 B. 0 C. 1 D. 2

Câu 5: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$. Gọi GTLN là M, GTNN là m. Tìm GTLN và GTNN trên $[-3; 2]$

- A. $M = 3; m = 2$ B. $M = 66; m = -3$ C. $M = 11; m = 2$ D. $M = 66; m = 2$

Câu 6: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = \frac{3x-1}{x-3}$ trên đoạn $[0; 2]$

- A. $-\frac{1}{3}$ B. 5 C. $\frac{1}{3}$ D. -5

Câu 7: Hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 4$ đồng biến trên khoảng nào ?

- A. $(-\infty; 0)$ B. $(2; +\infty)$ C. $(0; 2)$ D. $(1; 2)$

Câu 8: Hàm số $y = x^3 - 3x^2 + mx$ đạt cực tiểu tại $x=2$ khi :

- A. $m < 0$ B. $m \neq 0$ C. $m = 0$ D. $m > 0$

Câu 9: Trong các hàm số sau, hàm số nào đồng biến trên $\mathbb{R}$?

- A. $y = x^3 + 5x + 6$ B. $y = \frac{x+3}{2x+1}$ C. $y = \frac{2x+3}{x+5}$ D. $y = 3\sin 2x$

Câu 10: Tìm m để hàm số $y = -x^3 + mx^2 - m$ nghịch biến trên tập xác định

- A. $m=1$ B. $m=0$ C. $m<0$ D. $0<m<1$

Câu 11: Cho hàm số $y = \sqrt{-x^2 + 2x}$. Giá trị lớn nhất của hàm số bằng

- A. 2 B. 0 C. $\sqrt{3}$ D. 1

Câu 12: Điểm cực tiểu của hàm số : $y = -x^3 + 3x + 4$ là $x =$

A. 1

B. -1

C. 3

D. -3

Câu 13: Điểm cực đại của hàm số: $y = \frac{1}{2}x^4 - 2x^2 - 3$ là $x =$

A. 0

B. $\sqrt{2}$ C. $\pm\sqrt{2}$ D. $-\sqrt{2}$

Câu 14: Cho hàm số $y = \frac{2x-3}{1+x}$, hàm số có TCD và TCN lần lượt là:

A. $x = 2; y = 1$ B. $x = -1; y = 2$ C. $x = 2; y = -1$ D. $x = -3; y = -1$

Câu 15: Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{x-1}$. Đồ thị hàm số có tâm đối xứng là điểm

A. (2;1)

B. (-1;1)

C. (1;-1)

D. (1;2)

Câu 16: Điểm cực đại của đồ thị hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 9x$ là:

A. (0;3)

B. (3;0)

C. (4;1)

D. (1;4)

Câu 17: Hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$ nghịch biến trên khoảng nào ?

A. $\mathbb{R}$ B. $(-\infty; -1)$ C. $(-1; 0)$ D. $(1; +\infty)$

Câu 18: Cho hàm số: $y = \frac{2x+1}{x+1}$ (C). Đồ thị (C) của hàm số có:

A. Tiệm cận đứng $x = -1$, tiệm cận ngang $y = 2$ B. Tiệm cận ngang $x = 1$, tiệm cận đứng $y = -2$ C. Tiệm cận ngang $x = -1$, tiệm cận đứng $y = 2$ D. Tiệm cận đứng $x = 1$, tiệm cận ngang $y = -2$

Câu 19: Cho hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ (C). Các phát biểu sau, phát biểu nào **Sai** ?

A. Đồ thị hàm số (C) có giao điểm với Oy tại điểm có hoành độ là $x = \frac{1}{2}$;B. Đồ thị hàm số có tiệm cận ngang là đường thẳng $y = 2$.

C. Hàm số luôn đồng biến trên từng khoảng của tập xác định của nó;

D. Đồ thị hàm số có tiệm cận đứng là đường thẳng $x = -1$;

Câu 20: Tìm m để phương trình $x^4 - 2x^2 - 1 = m$ có đúng 3 nghiệm

A. $m = 1$ B. $m = -1$ C. $m = 3$ D. $m = 0$

Phần tự luận:

Cho hàm số $y = x^3 + (m-1)x^2 - (m+2)x - 1$

a). (2đ) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) của hàm số khi $m = 1$

b). (1đ) Viết phương trình đường thẳng d có hệ số góc bằng -3 , và tiếp xúc với đồ thị (C)

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN CÁC MÃ ĐỀ KIỂM TRA GT BÀI 01

ma mon	made	cauhoi	dapan	made	cauhoi	dapan
GT12Ch1	132	1	D	357	1	C
GT12Ch1	132	2	A	357	2	D
GT12Ch1	132	3	D	357	3	B
GT12Ch1	132	4	C	357	4	D
GT12Ch1	132	5	C	357	5	B
GT12Ch1	132	6	D	357	6	D
GT12Ch1	132	7	B	357	7	A
GT12Ch1	132	8	A	357	8	C
GT12Ch1	132	9	B	357	9	C
GT12Ch1	132	10	C	357	10	A
GT12Ch1	132	11	A	357	11	D
GT12Ch1	132	12	A	357	12	B
GT12Ch1	132	13	B	357	13	D
GT12Ch1	132	14	B	357	14	C
GT12Ch1	132	15	B	357	15	C
GT12Ch1	132	16	D	357	16	C
GT12Ch1	132	17	C	357	17	B
GT12Ch1	132	18	D	357	18	C
GT12Ch1	132	19	A	357	19	A
GT12Ch1	132	20	C	357	20	A
GT12Ch1	209	1	B	485	1	D
GT12Ch1	209	2	A	485	2	C
GT12Ch1	209	3	C	485	3	D
GT12Ch1	209	4	B	485	4	C
GT12Ch1	209	5	A	485	5	D
GT12Ch1	209	6	C	485	6	C
GT12Ch1	209	7	D	485	7	C
GT12Ch1	209	8	A	485	8	C
GT12Ch1	209	9	C	485	9	A
GT12Ch1	209	10	B	485	10	B
GT12Ch1	209	11	D	485	11	D
GT12Ch1	209	12	A	485	12	B
GT12Ch1	209	13	C	485	13	A
GT12Ch1	209	14	D	485	14	B
GT12Ch1	209	15	D	485	15	D
GT12Ch1	209	16	C	485	16	D
GT12Ch1	209	17	C	485	17	B
GT12Ch1	209	18	B	485	18	A
GT12Ch1	209	19	C	485	19	A
GT12Ch1	209	20	B	485	20	B